

Số: 50 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 04 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Văn phòng Đăng ký đất đai/ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND cấp xã, tỉnh Thanh Hoá

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số: 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 634/QĐ-BTNMT ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1839/QĐ-BTNMT ngày 27/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1154/TTr-STNMT ngày 30/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Văn phòng Đăng ký đất đai/Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai và UBND cấp xã, tỉnh Thanh Hoá (có Danh mục kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để xây dựng quy trình điện tử trước ngày 20/01/2023.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường;
Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường,
thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP (bản điện tử);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, KSTTHCNC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI/ CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI VÀ UBND CẤP XÃ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / 01 /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. DANH MỤC TTHC SỬA ĐỔI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI/ CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI/ UBND CẤP XÃ

Sửa đổi 01 TTHC tại Quyết định số 4441/QĐ-UBND ngày 08/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai, môi trường, Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, tỉnh Thanh Hoá.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi
1	Cung cấp dữ liệu đất đai (1.004269.000.00.00.H56)	01 ngày làm việc: - Trường hợp nhận được yêu cầu trước 15 giờ thì phải cung cấp ngay trong ngày; trường hợp nhận được yêu cầu sau 15 giờ thì cung cấp dữ liệu đất đai được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo;	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá). - Bộ phận tiếp	I. Phí khai thác, sử dụng tài liệu đất đai: 1. Đối tượng nộp phí: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng tài liệu về đất đai của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý hồ sơ, tài liệu về đất đai 2. Các trường hợp được miễn nộp phí: - Người khuyết tật và người già (không nơi nương tựa) - Hộ nghèo; hộ cận nghèo; - Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; bà mẹ Việt Nam Anh Hùng. - Ngành Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán và các cơ quan Nhà nước thực hiện nhiệm vụ giải quyết hành chính có liên quan đến đất	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT	- Địa điểm, cơ quan thực hiện - Phí - Căn cứ pháp lý

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi																									
		<p>- Trường hợp yêu cầu cung cấp dữ liệu đất đai dưới hình thức tổng hợp thông tin thì thời hạn cung cấp dữ liệu đất đai được xác định theo thoả thuận giữa cơ quan cung cấp dữ liệu đất đai và người có yêu cầu bằng hình thức Hợp đồng.</p>	<p>nhận và trả kết quả của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại UBND cấp huyện; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã; - Địa chỉ trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn (mức 4)</p> <p><i>(Trách nhiệm cung cấp dữ liệu đất đai từ hồ sơ địa chính theo phân cấp quản lý hồ sơ địa chính)</i></p>	<p>đai. - Chấp hành viên yêu cầu cung cấp tài liệu đất đai về tài sản kê biên. - Điều tra viên, kiểm sát viên và Thẩm phán thực hiện nhiệm vụ phục vụ hoạt động tố tụng và điều tra. 3. Mức thu: - Khai thác và sử dụng tài liệu đất đai đối với tài liệu chuyên ngành:</p> <table border="1" data-bbox="835 703 1650 948"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th colspan="2">Nội dung</th> <th>Mức thu (đồng)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Phí khai thác, sử dụng tài liệu đất đai (hồ sơ cấp Giấy chứng nhận, đăng ký biến động ...).</td> <td>Hồ sơ</td> <td>300.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>- Khai thác và sử dụng tài liệu đất đai đối với tài liệu hồ sơ địa chính (<i>áp dụng thu 90% trong năm 2022-2023, từ năm 2024 trở đi áp dụng thu phí 100%:</i></p> <table border="1" data-bbox="835 1068 1650 1313"> <thead> <tr> <th rowspan="2">STT</th> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="2">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Trực tiếp</th> <th>Bưu điện hoặc công thông tin khác</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="5">I. Phục vụ khai thác thông tin đất đai bằng hình thức trực tiếp dạng giấy</td> </tr> <tr> <td>1</td> <td>Cung cấp thông tin</td> <td>Đồng/trang</td> <td>20.000</td> <td>21.000</td> </tr> </tbody> </table>	STT	Nội dung		Mức thu (đồng)	1	Phí khai thác, sử dụng tài liệu đất đai (hồ sơ cấp Giấy chứng nhận, đăng ký biến động ...).	Hồ sơ	300.000	STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)		Trực tiếp	Bưu điện hoặc công thông tin khác	I. Phục vụ khai thác thông tin đất đai bằng hình thức trực tiếp dạng giấy					1	Cung cấp thông tin	Đồng/trang	20.000	21.000	<p>ngày 30/6/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; - Nghị quyết số 289/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 7 về việc Ban hành quy định mức thu, miễn,</p>	
STT	Nội dung		Mức thu (đồng)																												
1	Phí khai thác, sử dụng tài liệu đất đai (hồ sơ cấp Giấy chứng nhận, đăng ký biến động ...).	Hồ sơ	300.000																												
STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)																												
			Trực tiếp	Bưu điện hoặc công thông tin khác																											
I. Phục vụ khai thác thông tin đất đai bằng hình thức trực tiếp dạng giấy																															
1	Cung cấp thông tin	Đồng/trang	20.000	21.000																											

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí					Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi		
					tin đất đai từ hồ sơ địa chính					<i>giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.</i>		
				2	Cung cấp bản đồ địa chính	Đồng/mảnh	95.000	100.000				
II. Phục vụ khai thác thông tin đất đai bằng hình thức trực tiếp dạng số												
				1	Cung cấp thông tin đất đai từ hồ sơ địa chính	Đồng/trang	16.000	17.000				
				2	Cung cấp bản đồ địa chính	Đồng/mảnh	78.000	82.000				
III. Phục vụ khai thác thông tin đất đai bằng hình thức trực tiếp dạng giấy và số												
				1	Cung cấp thông tin đất đai từ hồ sơ địa chính	Đồng/trang	28.000	30.000				
				2	Cung cấp bản đồ địa chính	Đồng/mảnh	137.000	144.000				
<p>4. Phương thức nộp phí: Đối tượng nộp phí khai thác, sử dụng tài liệu đất đai thực hiện nộp phí theo từng lần phát sinh.</p> <p>5. Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 được giảm 30% mức thu phí quy định từ khi Nghị quyết có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.</p> <p>II. Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất</p>												

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi												
				<p>1. Đối tượng nộp phí: Tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, tài sản kê biên; cung cấp bản sao văn bản chứng nhận nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án phải nộp các khoản phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm.</p> <p>2. Không áp dụng thu phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm đối với các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cá nhân tự tra cứu thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, tài sản kê biên trong hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp. - Tổ chức, cá nhân yêu cầu cấp văn bản chứng nhận nội dung đăng ký trong trường hợp đăng ký trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo kê biên. - Chấp hành viên yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản kê biên. - Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động tố tụng. <p>3. Mức thu: Mức thu phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm (bao gồm cả trường hợp cung cấp văn bản chứng nhận hoặc bản sao văn bản chứng nhận về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án):</p> <p style="text-align: right;"><i>Đơn vị tính: Đồng/hồ sơ</i></p> <table border="1" data-bbox="835 1268 1642 1429"> <thead> <tr> <th data-bbox="835 1268 911 1349">TT</th> <th data-bbox="911 1268 1228 1349">Nội dung</th> <th colspan="2" data-bbox="1228 1268 1642 1308">Mức thu</th> </tr> <tr> <td></td> <td></td> <th data-bbox="1228 1308 1455 1349"><i>Cá nhân</i></th> <th data-bbox="1455 1308 1642 1349"><i>Tổ chức</i></th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="835 1349 911 1429">1</td> <td data-bbox="911 1349 1228 1429">Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm</td> <td data-bbox="1228 1349 1455 1429">30.000</td> <td data-bbox="1455 1349 1642 1429">50.000</td> </tr> </tbody> </table>	TT	Nội dung	Mức thu				<i>Cá nhân</i>	<i>Tổ chức</i>	1	Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm	30.000	50.000		
TT	Nội dung	Mức thu																
		<i>Cá nhân</i>	<i>Tổ chức</i>															
1	Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm	30.000	50.000															

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi
				<p>4. Phương thức nộp phí: Đối tượng nộp phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thực hiện nộp phí theo từng lần phát sinh.</p> <p>5. Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 được giảm 30% mức thu phí quy định từ khi Nghị quyết có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.</p>		